

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI LUẬT HÀ NỘI

BÙI THỊ MỪNG

**CHẾ ĐỊNH KẾT HÔN
TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH -
VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

BÙI THỊ MỪNG

**CHẾ ĐỊNH KẾT HÔN
TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH -
VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Dân sự

Mã số: 62.38.30.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. Đinh Văn Thanh

TS. Nguyễn Văn Cừ

HÀ NỘI – 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
MỞ ĐẦU	2
<i>Chương 1</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHẾ ĐỊNH KẾT HÔN	7
11 Khái niệm, mục đích và bản chất của kết hôn	7
1.1.1 Khái niệm kết hôn	7
1.1.2 Mục đích và bản chất của kết hôn	31
1.2. Các yếu tố cơ bản tác động tới pháp luật điều chỉnh việc kết hôn và ý nghĩa của chế định kết hôn	36
1.2.1. Các yếu tố cơ bản tác động tới pháp luật điều chỉnh việc kết hôn	36
1.2.2 Ý nghĩa của chế định kết hôn	40
1.3 Khái quát pháp luật điều chỉnh việc kết hôn ở Việt Nam qua các thời kỳ	46
1.3.1. Quy định về kết hôn trong pháp luật Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945	46
1.3.2. Quy định về kết hôn trong pháp luật Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975	51
1.3.3. Quy định về kết hôn trong pháp luật Việt Nam từ năm 1976 đến nay	56
<i>Chương 2</i>	
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KẾT HÔN TRƯỚC KHI LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014 CÓ HIỆU LỰC	60
2.1. Điều kiện kết hôn	60
2.1.1 Tuổi kết hôn	60
2.1.2. Sự tự nguyện kết hôn	64
2.1.3 Các trường hợp cấm kết hôn	68
2.2. Đăng ký kết hôn	80
2.2.1. Thẩm quyền đăng ký kết hôn	80
2.2.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn	87
2.2.3. Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn	86
2.3. Xử lý vi phạm pháp luật về kết hôn	91
2.3.1. Xử hủy việc kết hôn trái pháp luật	91
2.3.2. Xử lý hành chính	98
2.3.3. Xử lý hình sự	100

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH KẾT HÔN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	107
3.1. Yêu cầu hoàn thiện chế định kết hôn	107
3.1.1 Hoàn thiện chế định kết hôn phải xuất phát từ thực trạng các quan hệ hôn nhân và gia đình trong thời kỳ mới	107
3.1.2 Hoàn thiện chế định kết hôn phải xuất phát từ yêu cầu giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam	108
3.1.3 Hoàn thiện chế định kết hôn phải xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về kết hôn	109
3.2.. Phương hướng hoàn thiện chế định kết hôn	115
3.2.1. Chế định kết hôn phải thể hiện rõ quan điểm của của Đảng và Nhà nước ta hướng tới mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững	115
3.2.2 Chế định kết hôn phải cụ thể, toàn diện và đồng bộ, có tính thực thi, góp phần đảm bảo để các quyền con người trong lĩnh vực luật tư được tôn trọng và bảo vệ	116
3.2.3 Chế định kết hôn phải đáp ứng được việc điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình trong bối cảnh toàn cầu hóa	117
3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật về kết hôn	118
3.3.1. Hoàn thiện các quy định điều chỉnh việc kết hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình	118
3.3.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật về kết hôn	147
3.3.3. Các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về kết hôn	148
KẾT LUẬN	155
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	157
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	158
PHẦN PHỤ LỤC	167

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

- Bộ DLBK: Bộ dân luật Bắc kỳ năm 1931
Bộ DLTK: Bộ dân luật Trung kỳ năm 1936
Bộ DLGY: Bộ dân luật Giản yếu năm 1883
CHXHCN Việt Nam: Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa
HN&GD: Hôn nhân và gia đình
HVLL: Hoàng Việt Luật lệ
Nghị định số 68/2002/NĐ-CP: Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HN&GD có yếu tố nước ngoài
Nghị định số 158/2005/NĐ-CP: Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý Hộ tịch
Nghị định số 69/2006/NĐ-CP : Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HN&GD có yếu tố nước ngoài
Nghị định số 06/2012/NĐ-CP : Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 2/2/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực
Nghị định số 24/2013/NĐ-CP: Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình và chứng thực
Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10: Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000
Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP: Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000
Nxb: Nhà xuất bản
QTHL: Quốc triều hình luật
TAND: Tòa án nhân dân
TANDTC: Tòa án nhân dân tối cao

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài

Quyền kết hôn là quyền tự nhiên của con người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Với ý nghĩa đó pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của mỗi quốc gia đều chú trọng bảo đảm quyền tự do kết hôn của cá nhân. Trong bối cảnh hiện nay, việc bảo đảm thực thi pháp luật về quyền con người ngày càng được cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm, nhất là các quyền mang giá trị hết sức nhân văn như quyền kết hôn. Đảm bảo quyền tự do kết hôn của mỗi cá nhân không chỉ là bảo đảm lợi ích cho người kết hôn mà còn đảm bảo để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Bởi lẽ, kết hôn là nền tảng quan trọng để tạo dựng gia đình mà gia đình luôn được xác định là “tế bào” của xã hội. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Nghị quyết Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX tiếp tục khẳng định gia đình giữ một vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng văn hóa và phát triển mọi mặt của đất nước. Điều này cũng được ghi nhận trong Hiến pháp và cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật khác, đặc biệt là trong Luật HN&GD. Chế định kết hôn điều chỉnh việc xác lập quan hệ vợ chồng – quan hệ nền tảng của gia đình. Vì vậy, chế định kết hôn không chỉ đảm bảo quyền tự do kết hôn của cá nhân mà còn có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc tạo tiền đề tốt để xây dựng một xã hội văn minh, phồn thịnh.

Chế định kết hôn trong Luật HN&GD Việt Nam năm 2000 được quy định trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy định về kết hôn trong các văn bản pháp luật HN&GD trước đó, đồng thời tiếp tục phát triển cho phù hợp với việc điều chỉnh quan hệ HN&GD trong thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện pháp luật cũng đã bộc lộ khá nhiều bất cập, tác động không nhỏ đến hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về vấn đề kết hôn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người kết hôn, của gia đình và xã hội. Việc nam nữ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn ngày càng có những diễn biến phức tạp, tình trạng tảo hôn và “hôn nhân cận huyết” ở các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây nguyên đã gióng lên những hồi chuông báo động cần phải ngăn chặn kịp thời. Chỉ riêng tỉnh Lào cai, năm 2012 Tổng cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình thực hiện khảo sát tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở 44 xã thuộc 9 huyện của tỉnh Lào Cai đã phát hiện 224 cặp kết hôn cận

huyết thống [93]. Điều này khiến dư luận hết sức lo ngại về việc suy giảm giống nòi, ảnh hưởng đến chất lượng dân số và sự phát triển bền vững của đất nước. Đặc biệt gần đây nhiều đám cưới của những người đồng tính được tổ chức công khai bất chấp sự phản đối của gia đình đã trở thành tâm điểm chú ý của dư luận xã hội với nhiều ý kiến trái chiều về việc thừa nhận hay không thừa nhận hôn nhân đồng giới. Mặt trái của kinh tế thị trường đã tác động tới lối sống của một bộ phận không nhỏ nam nữ thanh niên tạo ra những thay đổi đáng kể trong quan niệm về tình yêu và hôn nhân. Vì vậy, tình trạng nam nữ chung sống như vợ chồng có chiều hướng gia tăng. Việc nam nữ chung sống như vợ chồng thể hiện ở nhiều dạng thức khác nhau đã tạo ra những hiệu ứng không tốt ảnh hưởng tới đời sống HN&GD. Luật HN&GD năm 2000 không quy định cụ thể về việc giải quyết hậu quả của tình trạng nam nữ chung sống như vợ chồng dẫn đến nhiều trường hợp tranh chấp giữa các bên trở lên phức tạp. Việc kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam với người nước ngoài, phổ biến là với nam giới Hàn Quốc, Đài Loan, còn mang nặng mục đích kinh tế, hoặc mang tính trào lưu, nhiều trường hợp thông qua môi giới trái phép...Hoạt động kinh doanh môi giới kết hôn bất hợp pháp của một số tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức không lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, xúc phạm danh dự nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam, gây bức xúc trong dư luận [104]. Ra đời trong bối cảnh đó, Luật HN&GD năm 2014 có giải quyết một cách thỏa đáng những vấn đề tồn tại phát sinh trong quá trình thực thi pháp luật điều chỉnh việc xác lập quan hệ vợ chồng hay không? cần có giải pháp nào để ổn định quan hệ HN&GD, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của toàn xã hội? Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu một cách công phu và toàn diện làm cơ sở nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về kết hôn. Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi lựa chọn đề tài: “chế định kết hôn trong Luật HN&GD- vấn đề lý luận và thực tiễn” nhằm nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện chế định kết hôn và đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về kết hôn trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ khi Luật HN&GD năm 2000 được ban hành, có một số công trình khoa học nghiên cứu liên quan đến những nội dung thuộc phạm vi của chế định kết hôn¹. Nghiên cứu các công trình có liên quan đến đề tài, chúng tôi nhận thấy vấn đề kết hôn là một trong những nội dung quan trọng được các nhà khoa học quan tâm xem xét ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu và áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc phân tích, truyền đạt những quy định của pháp luật hoặc đề cập đến một vài khía cạnh nhất định của chế định kết hôn, chưa có một công trình nghiên cứu nào mang tính chuyên sâu về chế định kết hôn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là:

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định kết hôn;
- Chỉ ra những điểm bất cập trong pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật về kết hôn;
- Đánh giá hiệu quả điều chỉnh của chế định kết hôn đối với việc xây dựng gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay;
- Đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện chế định kết hôn, nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với chế định kết hôn;

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài là:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về kết hôn và chế định kết hôn để từ đó làm rõ vị trí, vai trò của chế định kết hôn đối với việc xây dựng gia đình Việt Nam;
- Phân tích các quy định về kết hôn trong Luật HN&GD cũng như trong thực tiễn áp dụng pháp luật để phát hiện những hạn chế, bất cập;
- Đánh giá sự tác động của chế định kết hôn đối với việc xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ đổi mới;
- Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về kết hôn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

¹ Xem phần phụ lục 1

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về kết hôn; quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam về kết hôn (đặc biệt là các quy định về kết hôn trong Luật HN&GD năm 2000 và Luật HN&GD năm 2014); Luật của một số nước trên thế giới về kết hôn; thực tiễn thực hiện pháp luật về kết hôn của nước ta trong những năm gần đây.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của chế định kết hôn trong Luật HN&GD Việt Nam. Vấn đề kết hôn có yếu tố nước ngoài chỉ được nghiên cứu dưới góc độ là một phần nội dung trong pháp luật điều chỉnh việc kết hôn. Luận án không nghiên cứu việc giải quyết xung đột pháp luật liên quan đến kết hôn có yếu tố nước ngoài bởi vì vấn đề này được tiếp thu trong các nghiên cứu chuyên sâu thuộc lĩnh vực tư pháp quốc tế.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin với phép biện chứng duy vật và lịch sử, gắn kết với tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về vấn đề HN&GD nói chung và kết hôn nói riêng.

Bên cạnh đó, các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành được sử dụng để thực hiện đề tài như phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp và so sánh, phương pháp điều tra xã hội học ...Đặc biệt, các phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh luật sẽ được sử dụng triệt để nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cũng như các quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và thực tiễn thực hiện.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học, nghiên cứu toàn diện về chế định kết hôn trong pháp luật Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện những vấn đề lý luận khoa học pháp lý về chế định kết hôn nói riêng, pháp luật HN&GD nói chung và làm phong phú thêm kho tàng tri thức khoa học pháp lý.

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập khoa học luật tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu luật ...Luận án cũng có